


## PHỤ LỤC 17

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

### PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

<b>ACID STEARIC</b>	Logo của doanh nghiệp
Số CAS: 57-11-4 Số UN: Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

#### I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Tên thường gọi của chất: Axít stearic	Mã sản phẩm (nếu có)
Tên thương mại: Axít stearic	
Tên khác (không là tên khoa học): axit béo	
Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: <b>Cty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn</b> 30/17 HT31, KP01, P.Hiệp Thành, Quận 12, TP HCM Điện thoại: 028-6683.4499
Tên nhà sản xuất và địa chỉ:	
Mục đích sử dụng: ghi ngắn gọn mục đích sử dụng, ví dụ: làm dung môi hòa tan nhựa PVC	

#### II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Axít stearic	57-11-4	$C_{18}H_{36}O_2$	100%

#### III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

**1. Mức xếp loại nguy hiểm** (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...)

Nguy hiểm! Dễ cháy rắn. Các tính chất độc hại của chất này chưa được nghiên cứu đầy đủ.

**2. Cảnh báo nguy hiểm**

- Sản phẩm không tự cháy. Khi cháy khí rất độc và khó chịu có thể được tạo ra do phân hủy nhiệt hoặc đốt.

- Dễ cháy rắn. Có thể đốt cháy nhanh chóng với pháo hiệu ứng cháy.

- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng.

**3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng**

- Đường mắt: Gây dị ứng mắt. Có thể gây viêm kết mạc hóa.

- Đường thở: Gây dị ứng đường hô hấp. Các tính chất độc hại của chất này chưa được nghiên cứu đầy đủ. Có thể có hại nếu hít phải.

- Đường da: Gây dị ứng da. Có thể có hại nếu được hấp thụ qua da.

- Đường tiêu hóa: Có thể gây kích ứng tiêu hóa với buồn nôn, nôn mửa và tiêu chảy. Các tính chất độc hại của chất này chưa được nghiên cứu đầy đủ. Vật liệu vào phổi có thể gây viêm phổi do hóa chất mà có thể gây tử vong. Có thể có hại nếu nuốt phải.

#### IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

**1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt)**

Rửa mắt ngay với nhiều nước trong vòng ít nhất 15 phút, thỉnh thoảng nheo trên và dưới mí mắt. Chăm sóc y tế.

**2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da)**

Chăm sóc y tế. Rửa da với nhiều nước trong vòng ít nhất 15 phút trong khi bị loại bỏ ô nhiễm quần áo và giày dép. Giặt quần áo trước khi tái sử dụng.

**3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí)**

Di chuyển từ tiếp xúc và di chuyển đến nơi thoáng khí. Nếu không thể thở, hô hấp nhân tạo. Nếu thở khó khăn, cung cấp oxygen. Chăm sóc y tế.

**4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất)**

Không bao giờ cho bất cứ điều gì vào miệng của người đã bất tỉnh. Chăm sóc y tế. Không gây ói mửa. Nếu có ý thức và cảnh giác, súc miệng và uống 2-4 ly sữa hoặc nước.

**5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có):** Điều trị theo triệu chứng.

**V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN**

**1. Xếp loại về tính cháy (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...)**

Dễ cháy rắn. Nguy cơ hỏa hoạn nguy hiểm dưới dạng bụi khi tiếp xúc với nhiệt hoặc lửa.

**2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy**

Khí khó chịu và rất độc có thể được tạo ra.

**3. Các tác nhân gây cháy, nổ (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...)**

**4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác**

Dùng bình xịt nước, hóa chất khô, carbon dioxide, hoặc bột thích hợp.

**5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy**

Như trong bất kỳ ngọn lửa, mang dụng cụ thở có áp suất và đầy đủ đồ bảo hộ.

**6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ (nếu có)**

**VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ**

**1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ**

Dọn dẹp tràn ngay lập tức. Thu gom, sau đó đặt vào một bình chứa thích hợp để xử lý. Tránh tạo điều kiện bụi bặm. Hủy bỏ tất cả các nguồn phát lửa. Sử dụng hệ thống thông gió.

**2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng**

Sử dụng xẻng xúc bỏ hóa chất vào thùng chứa chất bỏ, lau sạch bề mặt bị nhiễm bẩn và có thể đổ tràn tới hệ thống xử lý nước thải. Cần cẩn thận khi nồng độ hóa chất vượt ngưỡng TLV.

**VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ**

**1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...)**

Sử dụng với thông gió đầy đủ. Giảm thiểu phát bụi và tích lũy. Tránh tiếp xúc với mắt, da và quần áo. Container rộng giữ lại dư lượng sản phẩm (chất lỏng và / hoặc hơi nước) và có thể nguy hiểm. Tránh ăn và hít phải. Giặt quần áo trước khi tái sử dụng. Không gây áp lực lên container nóng, tia lửa hoặc ngọn lửa.

**2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...)**

Giữ bình chứa đóng kín. Tránh xa sức nóng, tia lửa và lửa. Tránh xa các nguồn phát lửa. Lưu trữ trong một khu vực khô ráo thoáng mát, tránh xa không tương thích chất. Những chất dễ cháy khu vực. Tránh xa các chất oxy hóa. Để thùng chứa ở vùng khô ráo, thông thoáng

## VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

**1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết** (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc ...)

Sử dụng thông gió chống cháy nổ tại địa phương để giữ mức độ trong không khí đến mức chấp nhận được.

**2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc**

- Bảo vệ mắt: Mang kính bảo vệ thích hợp hay kính an toàn hóa chất như mô tả của mắt và khuôn mặt của OSHA quy định bảo vệ trong 29 CFR 1910.133 hay tiêu chuẩn Châu Âu EN166.

- Bảo vệ thân thể: Mặc quần áo bảo hộ thích hợp để giảm thiểu tiếp xúc với da.

- Bảo vệ tay: Mang găng tay thích hợp để tránh tiếp xúc với da.

- Bảo vệ chân:

**3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố**

Như khi tiếp xúc làm việc, mang mặt nạ thở theo quy định OSHA tìm thấy trong 29 CFR 1910.134 hay tiêu chuẩn Châu Âu EN 149.

**4. Các biện pháp vệ sinh** (tắm, khử độc...): bồn rửa mặt và vòi sen tắm.

## IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: thể rắn	Điểm sôi (°C): 350°C
Màu sắc: màu trắng đến hơi vàng	Điểm nóng chảy (°C): 69,4°C
Mùi đặc trưng: mùi béo, hơi giống mùi nến	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định:
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: không có giá trị	Nhiệt độ tự cháy (°C): 395°C
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn: 9,8	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí)
Độ hòa tan trong nước: không tan trong nước	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí)
Độ PH: không có giá trị	Tỷ lệ hóa hơi
Khối lượng riêng (kg/m <sup>3</sup> )	Các tính chất khác nếu có

## X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

**1. Tính ổn định** (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): Hoá chất ổn định

**2. Khả năng phản ứng:**

- Những điều kiện gây không ổn định: nhiệt, nguồn lửa, ánh sáng, không khí, vật liệu không tương thích.

- Những hóa chất không tương thích: tác dụng với các chất oxi hóa, kiềm.

- Tính ăn mòn: không ăn mòn khi đựng trong thủy tinh

- Phản ứng trùng hợp.

## XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

**1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...):** không có giá trị

Ảnh hưởng độc tính lên con người: ít độc hại khi tiếp xúc với da, nuốt phải hay hít thở.

## **2. Các ảnh hưởng độc khác**

- Lưu ý về ảnh hưởng mãn tính khác lên con người: có thể gây ra ung thư trên những thử nghiệm động vật.

- Lưu ý về ảnh hưởng độc tính khác lên con người

Da, mắt: gây kích ứng

Hít thở: gây ra kích ứng, triệu chứng: ho, đau họng, thở mệt nhọc, đau ngực.

Nuốt phải: trong trường hợp nuốt lượng lớn, có thể gây kích ứng ruột, dạ dày, khó tiêu

## **XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI**

**1. Độc tính với sinh vật:** Không có giá trị

### **2. Tác động trong môi trường**

- Mức độ phân hủy sinh học

- Chỉ số BOD và COD

- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: những sản phẩm phân hủy ngắn có thể không độc hại. Tuy nhiên về lâu dài có thể tăng nguy cơ độc hại.

- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: sản phẩm phân hủy không có độc tính

## **XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ**

### **1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp)**

Tuân thủ theo Luật 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007. Điều 25 và Điều 35: Xử lý, thải bỏ hóa chất tồn dư, chất thải và dụng cụ hóa chất.

### **2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải**

### **3. Biện pháp tiêu hủy**

Chai lọ đựng hóa chất rỗng, chất thải rắn khác có dính hóa chất nguy hại: thu gom vào thùng chứa riêng. Sau đó được đem đốt ở nơi có khả năng xử lý chất thải nguy hại.

Hóa chất hết hạn: làm thủ tục theo quy định.

### **4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý**

## **XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN**

<b>Tên quy định</b>	<b>Số UN</b>	<b>Tên vận chuyển đường biển</b>	<b>Loại, nhóm hàng nguy hiểm</b>	<b>Quy cách đóng gói</b>	<b>Nhãn vận chuyển</b>	<b>Thông tin bổ sung</b>
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-		Acid stearic				Chưa có thông tin

CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						

### **XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ**

- 1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)**
- 2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký**
- 3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ**

### **XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC**

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 20-12-2017

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 20-12-2018

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH TM DV XNK Khánh An Sài Gòn

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.